

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11/3/2022

V/v “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Rô Be

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “ *Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022 ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Kim T, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Vạn H, phường P , thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu.

2/. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc T, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 192, ấp B, xã Thạnh A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2021 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Kim T trình bày:

Chị Hồ Thị Kim T và anh Lê Ngọc T chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 08/03/2010, số 53/2010, quyền số 01/2010 tại phường P, thị xã p, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Trước khi chung sống

vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến cuối năm 2009, thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh T có người phụ nữ khác, chị T có khuyên nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng và không thể hòa giải.

Nay, chị Kim T xét thấy tình cảm chung không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Phương T, sinh ngày 11/02/2010 hiện nay con đang ở chung với chị T.

- Về tài sản chung của vợ chồng: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Ngọc T.

- Về con chung: Chị Kim T yêu cầu được nuôi con tên Lê Ngọc Phương T, sinh ngày 11/02/2010, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho anh Lê Ngọc T tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Thạch đều không có mặt và không có lời trình bày.

Theo biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 10/12/2021 của cháu Lê Ngọc Phương T có nguyện vọng ở với mẹ chị Hồ Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Lê Ngọc Thạch đang cư trú tại số 192, ấp B, xã Thạnh A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lê Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Ngọc T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị Kim T và anh Lê Ngọc T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/03/2010, số 53/2010, quyển số 01/2010 tại phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3.1] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Hồ Thị Kim T Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị Kim T và anh Lê Ngọc T chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh T có người phụ nữ khác, chị Kim T có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Kim T và anh T đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân không đạt được mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,* ”.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh Lê Ngọc T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Ngọc T điều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ anh Lê Ngọc T bỏ mặc không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Kim T nữa.

Tòa án động viên chị Kim T quay về đoàn tụ với anh Ngọc T để tiếp tục cuộc sống vợ chồng và nuôi dạy con chung, nhưng chị Kim T cương quyết ly hôn với anh Lê Ngọc T.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Kim T.

[4] Về con chung: Chị Hồ Thị Kim T xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Phương T, sinh ngày 11/02/2010 hiện cháu Phương T đang ở với chị Kim T. Chị Kim T yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị Hồ Thị Kim T Hội đồng xét xử xét thấy từ khi cháu Phương T sinh ra cho đến nay cháu Phương T ở chung với chị Kim T, chị Kim T chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phương T tâm sinh lý phát

triển bình thường, chị Kim T có thu nhập ổn định một tháng trên 8.000.000 triệu đồng từ nghề làm công nhân. Theo nguyện vọng của cháu Phương T thì cháu có nguyện vọng ở với chị Kim T.

Theo khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Từ những Điều luật quy định Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Hồ Thị Kim T. Tiếp tục giao cháu Lê Ngọc Phương T, sinh ngày 11/02/2010 cho chị Hồ Thị Kim T trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Thạch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Kim T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Kim T ly hôn với anh Lê Ngọc T.
3. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Ngọc Phương T, sinh ngày 11/02/2010 cho chị Hồ Thị Kim T trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006128 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị Hồ Thị Kim T đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

